| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ KT**<br>**TỈNH KT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **37**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 11 - 2024
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT, TỈNH KT

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Quang Đô – Thư ký Toà án nhân dân thành phố KT, tỉnh KT.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố KT, tỉnh KT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị N H, sinh năm 1982, có mặt;
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tấn N C, sinh năm 1977, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, phường Thắng Lợi, thành phố KT, tỉnh KT.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị N H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị N H và anh Nguyễn Tấn N C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/11/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Q T, thành phố KT, tỉnh KT. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, liên tục xảy ra cãi vã xô sát, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018 và đã sống ly thân đến nay, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, mọi sinh hoạt riêng. Năm 2019 chị H đã nộp đơn xin ly hôn, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, chị phải rút đơn khởi kiện. Giữa hai người không còn yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, nên chị H tha thiết được ly hôn anh C.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn V Asinh ngày 22/11/2006 và Nguyễn P U, sinh ngày 11/9/2010. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không nợ chung.

* *Ý kiến của anh Nguyễn Tấn N C*: Tại Bản tự khai ngày 26/6/2024, anh C không đồng ý ly hôn chị H, vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng nuôi dạy con chung. Anh C thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H khai. Anh C không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản; vợ chồng không nợ chung.

* *Ý kiến của cháu Nguyễn V Avà Nguyễn P U*: Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 21/10/2024, cả cháu Anh và cháu Uyên đều có nguyện vọng được ở với chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng**:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối anh Nguyễn Tấn N C trú tại thành phố KT. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố KT.

- Bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh C.

**Về nội dung**:

[1] *Về quan hệ nhân*: Quan hệ nhân giữa chị Trương Thị N H và anh Nguyễn Tấn N C là hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn anh C, với lý do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, không quan tâm đến nhau, đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nên chị H tha thiết được ly hôn anh C.

Bản tự khai ngày 26/6/2024 anh C không đồng ý ly hôn chị H, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng sau đó nhiều lần anh C không đến Tòa án tham gia hòa giải để đoàn tụ vợ chồng.

Xét, việc anh C nhiều lần không tham gia hòa giải để đoàn tụ vợ chồng và vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện bỏ mặc hôn nhân, không mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó HĐXX có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị H yêu cầu ly hôn anh C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh C và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Vân Anh, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Nguyễn P U, sinh ngày 11/9/2010. Hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị H và đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục tốt. Do đó chị H nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung

là phù hợp được chấp nhận.

[3] *Cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 17/06/2024 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của chị Trương Thị N H đối với anh Nguyễn Tấn N C.

**Xử:**

**1.** *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị N H được ly hôn anh Nguyễn Tấn N C.

**2.** *Nuôi con chung*: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Vân Anh, sinh ngày 22/11/2006 và cháu Nguyễn P U, sinh ngày 11/9/2010 cho chị Trương Thị N H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn N C có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

**3.** *Về án phí*: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị N H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0000032 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị Trương Thị N H đã nộp đủ tiền án phí.

**4.** *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/11/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo 15 kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Xuân Hoài**

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa